

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH QUỐC SỬ QUÁN TRIỀU NGUYỄN

NGUYỄN HỮU TÂM*

1. Yêu cầu cần thiết về một cơ quan viết sử chuyên trách

Trước khi triều Nguyễn thành lập, tuy ở Việt Nam đã có các sử quan với hai cơ quan làm sử là Quốc sử viện và Sử quán, đặc biệt lại có sự tiếp thu những ảnh hưởng tích cực của Quốc sử quán Trung Quốc, nhưng trong bối cảnh lịch sử mới của triều Nguyễn thì *việc phải có ngay một cơ quan viết sử chuyên biệt của triều đại Nguyễn đã trở thành một nhu cầu mang tính cấp bách.*

Vào năm Nhâm Tuất (1802), vương triều Nguyễn được thiết lập, Nguyễn Ánh đặt niên hiệu là Gia Long. Lần đầu tiên trong lịch sử của các triều đại phong kiến Việt Nam, triều Nguyễn được quản lý một đất nước rộng lớn và thống nhất chạy dài suốt từ Mục Nam Quan đến Hà Tiên, nên các vua nhà Nguyễn đều ý thức xây dựng cho mình một vương triều vững mạnh.

Công việc của một nhà nước mới được thành lập trong giai đoạn đầu thế kỷ XIX vô cùng bộn bề và phức tạp. Xã hội Việt Nam đang có những biến chuyển mới, nhu cầu bức thiết lúc bấy giờ là đòi hỏi phải chỉnh đốn và kiện toàn đất nước trên tất cả các lĩnh vực chính trị, pháp luật, kinh tế,

văn hóa giáo dục để phù hợp với xu thế lịch sử đang đặt ra cho vương triều Nguyễn.

Trên cơ sở ổn định về chính trị - xã hội, kinh tế nhanh chóng được phục hồi và có chiều hướng phát triển, vua Gia Long đã chú ý ngay tới việc tạo điều kiện cho mở mang và phát triển văn hóa. Bài chiếu dụ cụ thể thân nhà Lê và những Hương cống học trò ban hành vào tháng 7, năm Nhâm Tuất (1802) nêu rõ: *"Nay đang giấc đẹp yên, võ công cả định, chính là buổi chấn hưng văn hóa, xây dựng trị bình"* (1). Sau này, vua thứ hai nhà Nguyễn là Minh Mệnh, cũng đã từng đau đầu một tâm niệm chấn hưng văn hóa. Minh Mệnh từng than phiền với triều thần khi chưa lựa chọn được nhiều người tài giỏi ra đảm đương công việc: *"Trẫm từ lúc lên ngôi tới nay, vẫn lo chấn hưng văn hóa, mà sao nhân tài ít ỏi thế"* (2).

Trong lĩnh vực văn hóa được các vua triều Nguyễn chú trọng, sử học là vấn đề được quan tâm trước tiên. Theo quan niệm của Nho giáo Trung Quốc cổ đại và sau này được các nhà Nho Việt Nam tiếp thu, vận dụng vào thực tế, *Sử* giữ việc ghi chép. Trong *Khang Hy tự điển* dẫn sách *Thuyết văn*: *Sử, Ký sự giả dã*, tức *Sử* là việc ghi

* Th.S. Viện Sử học

chép, sách *Ngọc Thiên* cũng chép: *Sử, chuông thư chi quan dã*, tức là *Sử* là viên quan giữ việc ghi chép (3). Xưa kia chữ *Sử* (ghi chép) và các chữ *Sử* (sai khiến), *Sự* (sự việc) vốn là một chữ, về sau mới tách ra. Từ việc tìm cát hung (điềm lành, điềm dữ) trong bói toán, đến việc rút ra những bài học kinh nghiệm trong lịch sử đều thuộc về *Sử*. Đồng thời, *sử* cũng thể hiện mối quan hệ giữa vua và trời, quan hệ giữa vua với dân (4). Nếu như nắm được *sử* tức là đã thay trời giáo hóa dân chúng “đại thiên hành hóa”, xác định chắc chắn ngôi vị thiên tử “chính đế vị”.

Chính do nhận thức được tầm quan trọng của lịch sử, nên khi trong giai đoạn chính quyền mới được thành lập, triều Nguyễn đã chú ý ngay tới việc làm *sử*. Vì thông qua *sử* học, có thể ổn định xã hội, cố kết nhân tâm, từ đó có thể củng cố, nâng cao vai trò của dòng họ cũng như của vương triều: “*Triều Nguyễn ngay từ khi lên cầm quyền (1802) đã chú trọng tới công việc viết sử, xem sử học là vũ khí văn hóa quan trọng góp phần ổn định và củng cố lòng người sau một thời kỳ nội chiến kéo dài, để trên cơ sở đó củng cố vai trò và uy thế của dòng họ*” (5).

Sử học là một công cụ tôn vinh dòng họ Nguyễn, khẳng định tính “chính thống” của triều Nguyễn, tạo ra tiền đề để vương triều Nguyễn thống trị đất nước. Điều này được các vua nhà Nguyễn luôn nhắc nhở các sử thần phải ghi nhớ và thường xuyên đưa vấn đề nhất thống làm tiêu chí căn bản của *sử* học. Trong bài Dụ cử các quan Tổng tài phụ trách *Đại Nam thực lục*, Tự Đức đã nhắc lại phương thức biên soạn sách *Liệt thánh thực lục* (tức *Đại Nam thực lục tiền biên*) dưới triều Minh Mệnh, nhằm nêu rõ nguyên lý nhất thống: “... *sai quan soạn sách Liệt thánh thực lục, chia ra từng kỳ,*

từ Thái tổ Gia dụ hoàng đế đến Hiếu định hoàng đế làm Tiền biên, tỏ rõ nguyên uỷ của nước nhà; từ Thế tổ Cao hoàng đế trung hưng về sau làm Chính biên, để nêu lớn cái nghĩa nhất thống” (6).

Sử học phải có nhiệm vụ biên soạn thành sách, truyền bá sâu rộng trong tầng lớp quan lại cũng như dân chúng về việc kế thừa chính thống này. Vì vậy, trong các bộ quốc sử quan trọng của triều Nguyễn do Quốc sử quán biên soạn, như *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* hay *Đại Nam thực lục* đều thấm nhuần nguyên lý cơ bản này. Ngay trong bản tấu nghị do tập thể biên soạn bộ *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, gồm Tổng tài Phan Thanh Giản cùng Phó Tổng tài, Toàn tu dâng lên vua Tự Đức nhấn mạnh: “*Điều quan trọng nhất trong công việc làm sử, không gì hơn là làm cho tỏ rõ được chính thống*” (7). Tiếp theo trong phần Phàm lệ, chúng ta có thể liên tục đọc được những dòng viết về nguyên lý *nhất thống, chính thống*, do các sử thần đưa ra để khẳng định lịch sử dân tộc, lịch sử triều Nguyễn luôn là một mối, được nối tiếp và kế thừa.

Mặt khác, triều Nguyễn muốn đưa *sử* học trở thành cầu nối để cố kết chặt chẽ với tầng lớp sĩ phu-những người đã được học tập và bồi dưỡng kiến thức Nho học, nhằm sử dụng họ trở thành nhân tố nòng cốt xây dựng bộ máy nhà nước quân chủ chuyên chế. Trong đó, Quốc sử quán- cơ quan biên soạn lịch sử nhà nước có khả năng thu hút được khá nhiều trí thức trong toàn quốc, đặc biệt là các nhân sĩ Bắc Hà để phục vụ cho triều Nguyễn.

Cho nên, việc lập ra một cơ quan biên soạn *sử* học nhằm thu hút, tập trung các sĩ phu, là một trong những việc làm cần thiết, không những chỉ để chấn hưng văn hóa,

mà còn là nhu cầu chính trị phục vụ trực tiếp cho vương triều Nguyễn.

Bản thân các vua triều Nguyễn luôn có ý thức coi trọng lịch sử. Gia Long là vị vua đầu tiên triều Nguyễn, tuy bận trăm công ngàn việc để ổn định vương triều vừa khởi dựng, nhưng ông cũng đã chú ý ngay đến lịch sử, bằng việc cho thành lập Sử cục vào năm 1811. Vua Thiệu Trị từng nhấn mạnh: *"Ba quyền lớn trong cõi thì sử là một. Trong năm điều khó của tác giả, sử là kiêm cả"* (8). Vua Tự Đức đánh giá cao sử học trong việc tìm hiểu nguồn gốc: *"sinh vào khoảng ngàn, trăm năm ở đời sau mà hay biết được những việc thuộc ngàn, trăm năm về trước, là do đâu, nếu không nhờ có sử? Cho nên, đời nào cũng vậy, các bậc vua tôi, cùng những sĩ dân nam nữ không thể nào không đọc sử"* (9). Đồng thời, thông qua sử có thể cải hóa được tâm tính con người, từ xấu biến thành tốt, trở về bản tính thiên nhiên *"bởi thế mà người ta không thể không đọc sử vậy"* (10). Tự Đức coi việc biên soạn quốc sử là một trong những công việc quan trọng: *"vả lại, việc làm sử là điển chương trọng đại trong đời thái bình"* (11).

Ý thức được vai trò của biên soạn Quốc sử trong bối cảnh đương thời, đồng thời để tuân theo ý chỉ của các nhà vua, nên các quan thân trong triều Nguyễn đã hết sức cố vũ, đề cao lịch sử. Trong bài Biểu của các quan Nội các, tâu xin ấn hành bộ *Ngự chế Việt sử tổng vịnh* của vua Tự Đức đã nêu rõ: *"Chúng tôi trộm nghĩ, trong những lĩnh vực văn hóa có uy thế lớn lao thì sử là một, hễ chê trách thì dương uy búa rìu, hễ khen ngợi thì rạng ngời hoa cỏ"* (12).

Như vậy có thể nói, biên soạn quốc sử là công việc trọng đại của một quốc gia, khẳng định tính chính thống của một vương triều, đây chính là tuyên ngôn của các triều đại phong kiến khi thành lập cơ quan biên

soạn quốc sử, mà triều Nguyễn là đại biểu xuất sắc nhất. Vì thế các vua triều Nguyễn quan niệm: *"Nước có chính sử, là để tỏ rõ thể thống kỷ cương và truyền bảo cho đời sau, từ xưa đế vương dấy lên, sửa sang xây dựng, không có việc nào lớn bằng việc ấy"* (13).

Chính từ những lý do trên, Quốc sử quán triều Nguyễn ra đời nhằm đáp ứng nhu cầu bức thiết về văn hóa cũng như chính trị đặt ra sau khi ổn định, thống nhất đất nước.

2. Sự thành lập Quốc sử quán

a. Sử cục - Tiền thân của Quốc sử quán

Khi còn giao tranh với nhà Tây Sơn, Nguyễn Ánh đã có ý thức học tập các hoàng đế Trung Hoa, biên chép lại những việc làm của mình, lập ra chức Khởi cư chú. *Đại Nam thực lục* chép: *"năm 1790... Vua (chỉ Nguyễn Ánh trước khi lên ngôi) chăm làm mọi việc, suốt ngày không lúc nào rỗi. Sai Thị Thư viện sung chức Khởi cư chú"* (14). Nhiệm vụ chính của chức quan Khởi cư chú là chuyên ghi chép những lời nói việc làm của nhà vua. Bản thân vua Gia Long rất ham thích lịch sử, sử nhà Nguyễn nhiều lần ghi: *"vua thích xem cổ sử, ham xem sử các đời trước"* (15), thậm chí có lần đã tan buổi chầu vua vẫn còn sai bề tôi dâng sách lịch sử triều Minh và đọc đến *tận nửa đêm mới thôi* (16). Thông qua việc đọc sách sử, vua Gia Long vẫn thường tìm hiểu những bài học lịch sử nhằm phục vụ trực tiếp vào công việc trị nước của vương triều Nguyễn. Sách *Đại Nam thực lục* ghi, vào tháng 2 năm 1802: *"Nguyễn Gia Cát dâng bộ Đại Việt sử ký. Vua xem lâu, nhân cùng bày tôi bàn những truyện cũ của lịch triều, đến mặt trời xế bóng mới thôi"* (17). Việc Gia Cát dâng bộ lịch sử của các triều trước để vua xem, cũng xuất phát từ sự ham thích

lịch sử của Gia Long. Không chỉ tham khảo lịch sử Việt Nam, vua Gia Long còn rất chú trọng tới Bắc sử (lịch sử Trung Quốc), đặc biệt là các triều vua đã thu được hiệu quả trong việc thực thi các chính sách pháp luật. Vì: *“Vua thích xem cổ sử, thường khen chính sách tốt đẹp của Đường Văn Hoàng, pháp độ đáng xem, nên Nguyễn Văn Thành dâng bộ Trình Quán chính yếu”* (18). Nhà vua thường bàn luận đạo trị nước, những bài học thành công cũng như thất bại của các triều đại phong kiến với các bề tôi thân tín, hiểu biết. Sử triều Nguyễn ghi: *“Vua thường vời bọn văn thân là Vũ Trinh, Trần Hựu vào đọc sách Lịch đại thông giám và cùng bàn về trị loạn đắc thất”* (19). Không chỉ lúc thư nhàn, mà cả khi thiết triều, kinh nghiệm trị nước các triều đại trước kia của nước ngoài cũng như ở nước ta đều được đưa ra thảo luận (20).

Như vậy, có thể khẳng định, ngay từ khi chưa lên ngôi, Gia Long đã có ý tưởng kế thừa truyền thống sử học của các triều đại trước và học tập kinh nghiệm của Trung Quốc để thành lập một cơ quan phụ trách về sử học riêng biệt. Sách *Đại Nam thực lục* chép, vào năm 1811 triều Nguyễn thảo luận soạn bộ *Quốc triều thực lục* và lần đầu tiên xuất hiện tên gọi *Sử cục* trong thư tịch nhà nước triều Nguyễn: *“triều Thị trung học sĩ là Phạm Thích, Đốc học Sơn Nam là Nguyễn Đường, Đốc học Hoài Đức là Trần Toàn về Kinh, sung chức Biên tu ở Sử cục”* (21). Không rõ cơ quan này được ra đời từ bao giờ dưới triều vua Gia Long, nhưng theo ghi chép của sử thần triều Nguyễn, cho phép chúng ta có thể xác định ít nhất đến năm 1811, *Sử cục* đã hiện diện trong bộ máy Nhà nước triều Nguyễn. Lúc này, *Sử cục* đã trở thành một cơ quan phiên chế trong chính quyền nhà nước và *Biên tu* là một trong những chức quan đầu tiên của

Sử cục được chép trong chính sử triều Nguyễn.

Sau khi bổ nhiệm các quan giữ chức *Biên tu Sử cục*, Gia Long đã xuống chiếu để sưu tầm tư liệu cùng sách vở đang tàng trữ trong dân gian và nhà nước. Tờ chiếu đã nêu rõ quan điểm triều Nguyễn muốn kế thừa truyền thống trị nước tốt đẹp của các vương triều trước Nguyễn với nội dung: *“Đạo dựng nước, phải có phép thường; mà cách sửa trị, nên tìm điển cũ. Nước Việt ta, các đời Đinh, Lý, Trần, Lê nối nhau, chính trị có điều theo điều đổi, trong khoảng ấy điển chương pháp độ, há không có điều gì đáng thuật sao?”* (22). Ở đây, chúng ta cần khách quan ghi nhận hướng suy nghĩ tìm tòi tích cực về lịch sử dân tộc của vương triều Nguyễn nhằm *“dĩ cổ dụng kim”* (lấy xưa dùng vào nay). Việc sưu tầm thư tịch, điển tích cũng không ngoài mục đích phục vụ trực tiếp cho việc biên soạn sách sử, mà cụ thể là soạn bộ *Quốc sử*: *“nay soạn Quốc triều thực lục, phạm sự tích cũ cần phải tìm rộng rãi để sẵn mà tham khảo”* (23). Công việc này được triều Gia Long rất khuyến khích: *“Phàm dân chúng có điển xưa việc cũ, hoặc ở kho nhà nước còn để lại, hoặc được ở nhà riêng ghi chép, hết thấy điển chương điều lệ, cho phép do quan sở tại dâng lên”* (24). Bất cứ tư liệu, sự kiện nào liên quan đến quốc gia được ghi chép dưới mọi hình thức chép tay, hay nghe kể rồi biên chép lại đều cho phép các quan địa phương tập trung chuyển lên: *“phàm những việc quan hệ đến việc nước, ai hay biên chép thành quyển cho đưa nộp quan sở tại. Các cụ già ai hay ghi nhớ việc cũ, quan sở tại ghi chép chuyển tâu”* (25). Những người nào cung cấp những tư liệu tốt có thể đưa vào nội dung biên soạn sử, còn được triều Nguyễn khen thưởng, nếu có gặp trường hợp phạm huý cũng không vì thế

mà bị luận tội. Thậm chí, Gia Long còn khuyến khích việc sưu tầm những sự tích cũ của triều Lê và Tây Sơn bằng việc hạ chiếu: “*cho các trấn ở Bắc thành, ai có thu chép được sự tích nhà Lê cũ và sự tích giặc Tây Sơn thì đem sách dâng*” (26).

Chính nhờ ý thức quảng bá rộng rãi và thông thoáng như vậy, đã tạo thành một phong trào dâng hiến thư tịch trên cả nước, nhiều tư liệu, sách vở lâu nay được tàng trữ trong các tư gia đều được thu hồi và từ đây, những sách cất ở nhà dân dần đem ra. Các bộ sách quý của các triều trước như *Đại Việt sử ký*, *Hồng Đức luật lệ*, *Hoàng Việt thống chí*... đều được tập trung vào kho sách của triều Nguyễn, các viên quan và người dân dâng nộp sách đều được thưởng tiền với mức độ khác nhau (27). Với biện pháp khai thác sử liệu dưới nhiều hình thức như vậy, cùng việc ban thưởng cổ vũ nhân dân cung cấp tài liệu về lịch sử của triều Gia Long thực sự là một kinh nghiệm đáng quý và đã phục vụ hiệu quả cho việc biên soạn lịch sử.

Tiếp theo việc thành lập Sử cục, Gia Long đã sai Võ Trinh là Nho thần giữ chức Thị trung Học sĩ dự thảo phạm lệ soạn sử (tức là những điều quy định chung trong khi tiến hành biên soạn lịch sử). Tháng 12 năm 1811, Gia Long sau khi duyệt xem bản phạm lệ này đã cử: “*Nguyễn Văn Thành giữ chức Tổng tài, Phạm Như Đăng giữ chức Phó Tổng tài*” (28). Như vậy, vị *Tổng tài đầu tiên của Sử cục triều Nguyễn là Đại thần Nguyễn Văn Thành*.

Việc thành lập Sử cục, dự thảo phạm lệ soạn sử với việc đặt các chức Tổng tài, Phó Tổng tài và Biên tu dưới triều Gia Long đã chứng tỏ sự quan tâm bước đầu tới công tác sử học của triều Nguyễn.

Tháng 5 năm Nhâm Thân (khoảng tháng 7 năm 1812), tức là sau hơn nửa năm bản phạm lệ soạn sử được Gia Long phê duyệt, Tổng tài Nguyễn Văn Thành đã dâng một bức thư kín, trong đó có 4 kiến nghị. Trong điều kiến nghị thứ ba Nguyễn Văn Thành yêu cầu: “*Xin kén thêm Nho thần bổ sung vào Sử cục. Vua (Gia Long) khen và nhận*” (29). Có thể nhận thấy, Sử cục tuy đã được ra đời, nhưng hoạt động của nó vẫn chưa được chú ý đẩy mạnh, cơ cấu tổ chức, số lượng nhân sự tham gia còn rất thiếu; cho nên mới có việc người phụ trách Sử cục dâng kiến nghị lựa chọn, bổ sung thêm người có năng lực vào làm việc.

Tuy nhiên, Sử cục cũng đã đạt được thành quả đáng kể với việc biên soạn thành công bộ *Hoàng Việt luật lệ* hay còn gọi là *Quốc triều luật lệ*. Bộ luật này gồm 22 quyển, 398 điều bắt đầu biên soạn vào đầu năm 1811 đến tháng 7 năm 1812 hoàn thành và được ban hành, thực thi vào tháng 8 năm 1815 (30). Với thành quả này, Sử cục bước đầu đã góp một phần nhỏ vào quá trình ổn định, kiện toàn bộ máy Nhà nước triều Nguyễn. *Đây được coi như là sự nỗ lực đầu tiên của triều Nguyễn đối với sự nghiệp biên soạn lịch sử dân tộc*.

b. Sự thành lập Quốc sử quán

Tiếp theo Sử cục - cơ quan tiền thân của QSQ, vị vua thứ hai của triều Nguyễn là Minh Mệnh đã cho lập ra một cơ quan viết sử lớn đầu tiên của triều đại là Quốc sử quán.

Vốn là một người tài năng, thông minh, nhiều hoài bão và ý chí, lại được giáo dục một cách có hệ thống, cộng với sự ham mê đọc sách, ngay từ tuổi trẻ, Minh Mệnh đã tích lũy được khối tri thức uyên thâm về nhiều mặt. Lúc còn là Hoàng Thái tử, Minh Mệnh đã không ít lần bàn bạc cùng vua cha

về chính sự các đời và thuật trị nước của các đế vương xưa. Thư tịch triều Nguyễn chép “*Vua từng cùng Hoàng Thái tử bàn về đạo trị nước xưa nay, Hoàng Thái tử từng đưa sách Đại Thanh Hội điển tiến vua xem*” (31).

Khi lên ngôi, Minh Mệnh đã từng bước tiến hành công cuộc cải cách hành chính thực hiện đổi mới đất nước về nhiều mặt. Trong đó, lĩnh vực văn hóa - sử học cũng được Minh Mệnh chú trọng. Với trách nhiệm và ý thức của một vị quân vương đứng đầu đất nước cũng như dòng họ, Minh Mệnh cũng như các vị vua khác của triều Nguyễn, luôn tìm mọi phương thức để có thể nâng cao vị thế của triều Nguyễn. Sử học cũng là một phương thức hữu hiệu để tuyên truyền, củng cố vai trò của dòng họ Nguyễn. Tất cả những nhân tố chủ quan và khách quan trên, khiến cho Minh Mệnh rất có ý thức đối với sự nghiệp phát triển sử học.

Mùa Hạ, tháng 5 năm 1820, khi vừa lên ngôi được mấy tháng, Minh Mệnh đã ra lệnh tìm kiếm sách sử cũ trong toàn quốc. Nhà vua hạ chiếu: “*Trăm nghì đế vương các đời dấy lên, tất có sách sử mỗi đời để chép lời nói việc làm và công việc chính trị mà để lại đời sau... Phạm nhà nào cất được bản biên chép cũ của triều trước, thì không kể tường hay lược, đem nguyên bản tiến nộp hoặc đưa cho Nhà nước sao chép, đều có khen thưởng*” (32). Sau khi tờ chiếu ban ra, hàng loạt bộ sách cổ của các triều trước cùng tác phẩm của tư gia được đưa đến, trong đó có nhiều bộ sách có giá trị được ban thưởng xứng đáng như *Gia Định thông chí* (hay *Gia Định thành thông chí* 3 quyển) và *Minh Bật di ngư văn thảo* của Trịnh Hoài Đức; *Bản triều ngọc phả* (2 bản) của Hoàng Công Tài; *Khai quốc công nghiệp điển chí* (7 quyển) của Cung Văn Hy; *Minh*

lượng khái cáo lục (34 điều) của Nguyễn Đình Chính; *Cổ sự biên lục* (1 quyển) của Võ Nguyên Biểu... tất cả đều được thưởng vàng lụa the, thứ bậc khác nhau (33). Đặc biệt, đối với bộ *Lịch triều hiến chương loại chí* (49 quyển), do Hàn lâm viện Biên tu Phan Huy Chú soạn dâng đã được nhà vua ban *thưởng một cặp áo sa, 30 lạng bạc* (34). Có thể khẳng định, thông qua việc thẩm định và ban thưởng xứng đáng bộ sách, Minh Mệnh là vị vua có nhãn quan sử học, phát hiện đúng giá trị đích thực của bộ *Lịch triều hiến chương loại chí*. Ngày nay, khi sử dụng *bộ bách khoa toàn thư đầu tiên của Việt Nam* (35) này, chúng ta hết sức kính phục tri thức uyên bác của nhà bác học Phan Huy Chú, đồng thời cảm ơn “con mắt xanh” của vị vua Minh Mệnh. Việc sưu tầm, bổ sung tư liệu do chính nhà vua đương trị vì phát động, đã tạo điều kiện để triều Nguyễn có thể tập trung được nguồn sử liệu phong phú, trên cơ sở đó biên soạn được nhiều bộ sử có giá trị.

Kế thừa ý tưởng cùng sự nghiệp xây dựng đất nước đang dang dở của vua cha, Minh Mệnh đã rà soát lại toàn bộ công việc kiến thiết quốc gia trong buổi đầu của vương triều Nguyễn, trong đó, lĩnh vực sử học cũng là điều được vua Minh Mệnh quan tâm đáng kể. Chính trong tờ chiếu tìm sách cũ vào tháng 5 năm 1820, Minh Mệnh cũng đã nhận thấy dưới thời các chúa Nguyễn, do nhiều nguyên nhân nên công tác sử học chưa được chú trọng: “*Nhà nước ta, từ Triệu tổ hoàng đế mở đất dựng nước... các Thánh nối nhau rõ ràng, sáng rạng hơn 200 năm, trong khoảng ấy đều có sự tích. Duy vương chế chưa đủ, sử cục chưa có sự biên chép của quan Trữ hạ hầy còn thiếu sót*” (36). Ngay đến thời Gia Long cơ quan biên soạn sử là Sử cục, tuy đã được đặt ra, nhưng do nhiều việc, nên cơ quan

này vẫn chưa được Nhà nước hoàn thiện. Minh Mệnh cũng nắm rất rõ điều này “*Hoàng khảo Thế tổ Cao hoàng đế ta ... nghĩ tìm thực lục, nhưng muôn việc nên không kịp làm, sử chức vẫn còn bỏ thiếu*” (37). Chính vì vậy, Minh Mệnh rất muốn kế tục và chấn hưng nền sử học mà vua cha từng quan tâm, nhưng chưa kịp hoàn thiện với những lời lẽ thấu tình: “*Trẫm để ý điển xưa, noi theo chỉ trước, ngừa nghĩ rằng nhờ công đức các đời mở đắp mới có ngày nay, càng muốn làm cho rõ rệt dấu xưa, giao cho sử quan soạn thuật*” (38). Cùng trong tháng 5 năm 1820, sau khi đã ban lệnh tìm kiếm sách sử và tài liệu, Minh Mệnh bắt đầu cho dựng Quốc sử quán (39). Đây là lần xuất hiện đầu tiên tên gọi Quốc sử quán trong sách sử chính thức của triều Nguyễn. Trong bài Dụ gửi cho các bề tôi, Minh Mệnh đã nhấn mạnh vai trò của sử sách “*Nhà nước ta mở mang đến nay, các Thánh nối nhau, hàng 200 năm. Kịp đến Thế tổ Cao hoàng đế ta trung hưng đất nước, trong khoảng ấy sự tích công nghiệp nếu không có sử sách thì lấy gì dạy bảo lâu dài về sau*”; và nêu rõ ý định: “*Trẫm muốn lập Sử quán, sai các Nho thần biên soạn quốc sử thực lục, để nêu công đức về kiến, đốc, cơ, cần, làm phép cho đời sau, cũng chẳng là phải sao*” (40). Sau hơn một tháng thi công, vào khoảng tháng 8 năm 1820, trụ sở làm việc của Quốc sử quán được hoàn thành. Như vậy, cơ quan chuyên trách biên soạn lịch sử nhà nước đã được chính thức thành lập dưới triều Minh Mệnh vào năm 1820. Cơ quan này có tên gọi chính thức là Quốc sử quán, có trụ sở làm việc riêng biệt để phục vụ cho biên soạn lịch sử.

Khi Quốc sử quán đã được thành lập, Minh Mệnh còn quan tâm rất sát sao tới việc đặt các chức quan làm việc trong Quốc sử quán. Vào tháng 9 năm 1820, trong

Châu bản của triều Minh Mệnh đã có chép việc *bổ dụng nhân viên Quốc sử quán* (41). Tháng 11 năm 1820, khi chưa thấy Bộ Lại tâu trình về việc chức quan của Sử quán, Minh Mệnh ban thêm lời Dụ, một lần nữa hối thúc các quan có trách nhiệm lưu ý việc đặt chức quan trong Sử quán (42).

Vào tháng 5 mùa Hè, năm Tân Ty (1821), Minh Mệnh bắt đầu lệnh cho các sử quan làm sách *Liệt thánh thực lục* và “*Vua (Minh Mệnh) rất để ý việc soạn thuật. Mới lên ngôi đã cho tìm thư tịch cũ còn sót ở mọi nơi, rồi sắc cho đại thần biên tập những điều mắt thấy tai nghe về buổi đầu trung hưng để dâng lên*” (43). Cùng với việc sai làm sách *Liệt thánh thực lục*, Minh Mệnh còn hạ lệnh cho các quan văn võ trong ngoài từ Tứ phẩm trở lên phải trình bày đầy đủ lý lịch để nhà vua sắp đặt các chức quan để tiến hành biên soạn bộ sách. Các chức quan được đặt ra gồm có: *Giám tu, Tổng tài, Phó Tổng tài, Toàn tu, Biên tu, Khảo hiệu, Thu chương, Đăng lục, Thư lại*. Chương Hữu quân Nguyễn Văn Nhân được giao giữ chức Tổng tài bộ *Thực lục*, Thượng thư Trịnh Hoài Đức cùng Phạm Đăng Hưng là Phó Tổng tài, có 10 viên quan sung từ Hàn lâm viện, bộ Lại... sang giữ chức Toàn tu, 25 viên quan Biên tu, 5 người Khảo hiệu, 12 người Thu chương, 8 người Đăng lục. Trụ sở biên soạn bộ *Thực lục* được đặt tại Quốc sử quán (44).

Ngày chính thức mở Sử quán để bắt tay làm việc đã được triều Minh Mệnh tổ chức rất long trọng vào ngày 6 tháng 5 Âm lịch năm Tân Ty (tức ngày 5-6-1821). Việc này được sách *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ* chép: “*Lại xuống Dụ: Nay mở đặt ra Sử quán, biên chép những thực lục Quốc sử các triều đại, chuyên uỷ cho các đại thần kỳ cựu có công và bọn văn thân, sung vào các chức quan sử là Tổng tài, Toàn tu; việc này*

là điển lệ to lớn của nước nhà, chuẩn cho đến mông 6 tháng 5 sẽ mở sử quán, ban tiệc yến một lần” (45). Trước đó một ngày vua Minh Mệnh đã ra ngự tại điện Cần Chánh, cho phép quan phụ trách Sử quán cùng quan Khâm mạng được làm lễ bái yết (46).

Quốc sử quán tuy chính thức được ra đời dưới triều vua Minh Mệnh, nhưng cơ cấu tổ chức của cơ quan viết sử này lúc đầu chưa thực sự hoàn thiện, vì vậy, các đời vua sau như Thiệu Trị, Tự Đức... thường xuyên phải có sự điều chỉnh, bổ sung cho Quốc sử quán.

*

Các vua đầu triều Nguyễn trong quá trình xây dựng và kiện toàn bộ máy chính quyền nhà nước, đã chú ý tới vấn đề mở mang văn hóa, trong đó Sử học được quan tâm đầu tiên. Trên cơ sở kế thừa thành tựu biên soạn lịch sử của triều đại trước thông qua hai cơ quan biên soạn lịch sử là Quốc sử viện và Sử quán được lập ra và hoạt động từ thời Trần đến thời Tây Sơn, cùng

với việc tiếp thu những ảnh hưởng của Sử quán Trung Quốc, yêu cầu bức thiết về việc thành lập một cơ quan viết sử chuyên trách ở triều Nguyễn được đặt ra. Ngay từ thời Gia Long (1811), cơ quan Sử cục - tiền thân của Quốc sử quán đã ra đời làm tiền đề cho sự hình thành của Quốc sử quán triều Nguyễn vào năm 1820. Quốc sử quán được thành lập vào thời Minh Mệnh năm 1820 và tiếp tục hoàn thiện vào các triều vua Thiệu Trị, Tự Đức là một cơ quan biên soạn lịch sử dân tộc lớn nhất của các triều đại phong kiến Việt Nam. Sự ra đời của Quốc sử quán là một nhu cầu tất yếu trong việc kiện toàn bộ máy Nhà nước Nguyễn, góp phần khẳng định tính chính thống của việc thiết lập vương triều Nguyễn, đồng thời sự ra đời này còn nhằm mục đích tập hợp được lực lượng trí thức Nho học trong toàn quốc, đặc biệt giới sĩ phu Bắc Hà, vào phục vụ cho vương triều Nguyễn. *Sự ra đời của Quốc sử quán triều Nguyễn đánh dấu một bước tiến quan trọng trong lịch sử sử học Việt Nam thời phong kiến.*

CHÚ THÍCH

(1). *Đại Nam thực lục*, tập Một. Nxb. Giáo Dục, Hà Nội, 2004, tr. 507.

(2). *Đại Nam thực lục*, tập Hai. Nxb. Giáo Dục, Hà Nội, 2004, tr. 8.

(3). *Khang Hy tự điển*, in lần thứ 8, Trung Hoa thư cục xuất bản, Bắc Kinh, 1992, tr. 173.

(4). Đinh Công Vi: *Phương pháp làm sử của Lê Quý Đôn*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1994, tr. 8.

(5). Đinh Xuân Lâm: Vũ Phạm Khải. *Nhà sử học yêu nước có quan điểm tiến bộ*. Kỷ yếu Hội nghị tưởng niệm danh nhân Vũ Phạm Khải (1872-1992), Hà Nội, 1992, tr. 28.

(6). *Đại Nam thực lục*, tập Một, sđd, tr. 193.

(7). *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, tập 1, Nxb. Giáo Dục, Hà Nội, 1998, tr. 21.

(8). *Vực trung tam đại*: Ba quyển lớn trong đất nước; lời của Cư Hằng nói “Trong cõi có ba cái lớn, trời là lớn, đạo là lớn, sử là lớn”. *Năm điều khó*: Viên Sơn Tùng, một sử gia đời Tấn, phân nản về viết sử có năm điều khó: - Tài liệu bề bộn mà không hoàn chỉnh; - Văn chép thô tục mà không trang nhã; - Sách chép không đúng thực lục; - Việc thưởng phạt không đúng lẽ phải; - Lời văn chép không nổi bật được phẩm chất của sự việc (Xem *Phương đình tùy bút*, quyển hạ). *Đại Nam thực lục*, tập Hai, sđd, tr. 8.

- (9). Dục tông Anh hoàng đế: *Ngự chế Việt sử tổng vịnh*, tập Thượng, Ủy ban Dịch thuật, Phủ Quốc vụ khanh, Sài Gòn, 1970, tr. 7.
- (10). Dục tông Anh hoàng đế: *Ngự chế Việt sử tổng vịnh*. Sđd, tr. 7.
- (11). *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, tập 1, sđd, tr. 19.
- (12). Dục tông Anh hoàng đế: *Ngự chế Việt sử tổng vịnh*. Sđd, tr. 12.
- (13). *Đại Nam thực lục*, tập Một, sđd, tr. 192.
- (14). *Đại Nam thực lục*, tập Một, sđd, tr. 217.
- (15). *Đại Nam thực lục*, tập Một, sđd, tr. 826.
- (16). *Đại Nam thực lục*, tập Một, sđd, tr. 821.
- (17). *Đại Nam thực lục*, tập Một, sđd, tr. 484.
- (18). *Đại Nam thực lục*, tập Một, sđd, tr. 519.
- (19). *Đại Nam thực lục*, tập Một, sđd, tr. 826.
- (20). *Đại Nam thực lục*, tập Một, sđd, tr. 820.
- (21). *Đại Nam thực lục*, tập Một, sđd, tr. 816.
- (22). *Đại Nam thực lục*, tập Một, sđd, tr. 816.
- (23). *Đại Nam thực lục*, tập Một, sđd, tr. 817.
- (24). *Đại Nam thực lục*, tập Một, sđd, tr. 817.
- (25). *Đại Nam thực lục*, tập Một, sđd, tr. 817.
- (26). *Đại Nam thực lục*, tập Một, sđd, tr. 817.
- (27). *Đại Nam thực lục*, tập Một, sđd, tr. 828.
- (28). *Đại Nam thực lục*, tập Một, sđd, tr. 828.
- (29). *Đại Nam thực lục*, tập Một, sđd, tr. 841.
- (30). *Đại Nam thực lục*, tập Một, sđd, tr. 807, 842, 905; *Hoàng Việt luật lệ*, S, 1994, Nxb. Văn hoá thông tin.
- (31). *Đại Nam thực lục*, tập Một, sđd, tr. 978.
- (32). *Đại Nam thực lục*, tập Hai, sđd, tr. 63.
- (33). *Đại Nam thực lục*, tập Hai, sđd, tr. 63.
- (34). *Đại Nam thực lục*, tập Hai, sđd, tr. 128.
- (35). *Đại Nam thực lục*. Tập Hai, sđd, tr. 63.
- (36). *Đại Nam thực lục*. Tập Hai, sđd, tr. 63.
- (37). *Đại Nam thực lục*. Tập Hai, sđd, tr. 63.
- (38). *Đại Nam thực lục*. Tập Hai, sđd, tr. 63.
- (39). *Đại Nam thực lục*, tập Hai, sđd, tr. 66.
- (40). *Đại Nam thực lục*, tập Hai, sđd, tr. 66.
- (41). *Mục lục châu bản triều Nguyễn*, tập II: Triều Minh Mệnh. Ủy ban phiên dịch sử liệu Việt Nam. Viện Đại học Huế, 1963, tr. 13.
- (42). *Đại Nam thực lục*, tập Hai, sđd, tr. 133.
- (43). *Đại Nam thực lục*, tập Hai, sđd, tr. 133.
- (44). *Đại Nam thực lục*, tập Hai, sđd, tr. 133.
- (45). *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*, tập IVB, In lần thứ hai. Nxb. Thuận Hóa, Huế, 2005 tr. 304.
- (46). *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*, tập IVB, sđd, tr. 304.